TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BG** **TỈNH BG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2021/DS-ST
Ngày 31/8/ 2021
V/V: "Tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Quyên

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Môn

Bà Nguyễn Thị Vượng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị T Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BG

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/8/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BG, tỉnh BG mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 121/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2021 về việc*"Tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2021/QĐXXST - DS ngày 27/7/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 104/2021/QĐST-DS ngày 12/8/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1954

Địa chỉ: Thôn Bì Đỏ, xã Cổ Bì, huyện BG, tỉnh HD.

Người đại diện theo ủy Q của nguyên đơn: Ông Hoàng Quang Q, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số nhà 31, ngõ 267, Phùng Khoang, tổ dân phố số 5, phường Trung Văn, quận NTL, thành phố HN (Ông Q có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần LMTDVN.

Địa chỉ: Lô 24, khu dân cư sỹ quan, Quân đoàn 2, đường Hoàng Văn Thụ kéo dài, phường DK, thành phố BG, tỉnh BG.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn C; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Văn T và đại diện theo ủy Q của nguyên đơn ông Hoàng Quang Q thống nhất trình bày:

Qua người quen giới thiệu, ông T biết đến Công ty Cổ phần LMTDVN, được cung những tài liệu liên quan đến Công ty là Giấy phép đã được Bộ y tế - Cục an toàn vệ sinh thực phẩm chứng nhận, được hưởng chương trình tri ân có khuyến mại cao lại không rủi ro. Do tin tưởng vừa được mua sản phẩm sử dụng bảo vệ sức khỏe cho các thành viên trong gia đình và được hưởng các chương trình tri ân hấp dẫn nên ngày 10/03/2015, ông T tham gia ký kết hợp đồng hợp tác bán hàng số 0087693/HĐ-LMTD với Công ty cổ phần LMTDVN do ông Nguyễn Văn C – Tổng giám đốc đại diện theo pháp luật.

Sau khi ký hợp đồng, ông T đã mua của công ty 17 gói hàng (chủ yếu là sản phẩm Cao hồng sâm và Angel), giá mỗi gói sản phẩm Cao hồng sâm là 9.888.000 đồng và Angel là 11.880.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông T đã nộp vào Công ty Cổ phần LMTDVN là 172.080.000 đồng. Sau khi mua hàng và nộp tiền vào công ty, công ty có đưa cho ông T 17 phiếu đặt hàng (nhưng không có phiếu T nên không có phiếu T nộp cho Tòa án).

Ông T đã lấy và sử dụng 09 gói sản phẩm và nộp lại cho công ty 09 phiếu đặt hàng. Hiện Công ty chưa trả ông T 8 gói hàng. Số tiền ông T nộp vào mua hàng của Công ty Cổ phần LMTDVN là tiền riêng của ông T, không liên quan đến thành viên nào trong gia đình. Đối với những nhân viên (kế toán, thủ kho, người viết phiếu) của Công ty cổ phần LMTDVN mà ông T đã từng gặp, làm việc thì ông không nhớ họ tên là gì, năm sinh bao nhiêu, địa chỉ ở đâu. Ông T đề nghị Tòa án không triệu tập những người này tham gia tố tụng trong vụ án.

Kể từ ngày nộp tiền mua các sản phẩm trên đến nay, ông T chưa được nhận bất cứ tri ân nào. Đến năm 2017, ông T phát hiện ra ngày 11/7/2016 Công ty cổ phần LMTDVN đã bị rút giấy phép kinh doanh bán hàng đa cấp do vi phạm Nghi định 42 của Bộ công thương và bị xử phạt 409 triệu đồng cộng với hàng ngàn đơn thư khiếu kiện của các cộng tác viên trên 54 thị trường.

Nay ông T yêu cầu Công ty Cổ phần LMTDVN phải trả cho ông số tiền 83.088.000 đồng tương đương 08 gói hàng đã mua nhưng chưa được trả sản phẩm. Ngoài ra ông T không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Bị đơn Công ty Cổ phần LMTDVN đã được Tòa án niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải....nhưng đại diện của Công ty cổ phần LMTDVN không đến Tòa án làm việc và không

cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì. Việc đại diện bị đơn không đến Tòa án làm việc, không cung cấp tài liệu chứng cứ là từ bỏ Q và nghĩa vụ của mình.

Tại Biên bản xác minh ngày 25/12/2020, đại diện Ủy ban nhân dân phường DK, thành phố BG, tỉnh BG cung cấp như sau: Công ty cổ phần LMTDVN vẫn đăng ký trụ sở tại địa chỉ N24, khu dân cư sỹ quan, Quân đoàn 2, đường Hoàng Văn Thụ kéo dài, phường DK, thành phố BG, tỉnh BG. Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh gì và không còn treo biển hiệu tại địa chỉ trên, không có nhân viên để nhận văn bản, hiện công ty khác đã Tê lại để đặt trụ sở.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có T thập tài liệu chứng cứ từ các vụ án khác do Cục Quản lý cạnh tranh nay là Cục cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng- Bộ Công thương và tài liệu do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh BG cung cấp cho Tòa án liên quan đến Công ty cổ phần LMTDVN, bao gồm:

- Bản sao hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty; Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần.

- Bản sao hồ sơ sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty.

- Bản sao Quyết định số 252/QĐ-QLCT ngày 03/10/2016 của Cục Quản lý cạnh tranh về việc xử lý vụ việc cạnh tranh đối với Công ty. Trong Quyết định có nội dung: Công ty Cổ phần LMTDVN không làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp khi có thay đổi, bổ sung liên quan đến Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10, Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp; Công ty đã thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp không bao gồm đầy đủ thông tin theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp với cá nhân không đủ điều kiện tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 19- Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ đào tạo cơ bản đối với người tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 20- Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện hành vi duy trì nhiều hơn một vị trí kinh doanh đa cấp, hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, mã số kinh doanh đa cấp hoặc các hình thức khác tương đương đối với một người tham gia bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại điểm p khoản 1 Điều 5 Nghị định 42/2014/NĐ-CP. Công ty đã vi phạm các quy định của Nghị định 42 về bán hàng đa cấp và quá trình hoạt động bán hàng đa cấp, Công ty đã có nhiều sai phạm nên Cục quản lý cạnh tranh, Bộ Công thương đã ra Quyết định xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh đối với Công ty.

Ngoài hình thức phạt tiền, Cục quản lý cạnh tranh còn áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là "Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung T hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP", Công ty cổ phần LMTDVN không còn tư cách về mặt chủ thể để tham gia bán hàng đa cấp.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt không lý do. Đại diện theo ủy Q của nguyên đơn ông Hoàng Quang Q có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn, đại diện theo ủy Q của nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đại diện theo pháp luật của bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của của ông Phạm Văn T, buộc Công ty cổ phần LMTDVN phải trả cho ông T số tiền 74.460.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn T về việc yêu cầu Công ty Cổ phần LMTDVN phải trả ông số tiền 8.628.000 đồng.

Về án phí: Công ty cổ phần LMTDVN phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.Ông T phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nhưng do ông là người cao tuổi nên được miễn án phí.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Đại diện theo pháp luật của bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn và đại diện theo ủy Q của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm Q giải quyết vụ án: Ngày 10/03/2015, Công ty cổ phần LMTDVN và ông Phạm Văn T đã ký Hợp đồng hợp tác bán hàng số 0087693/HĐ-LMTD, thời gian là 01 năm và có hiệu lực pháp lý kể từ thời điểm hai bên ký kết. Căn cứ hợp đồng trên, ông T có nộp tiền mua hàng của Công ty cổ phần LMTDVN nhưng đến nay chưa được giao đủ số hàng đã mua. Ông T đã đòi nhiều lần nhưng Công ty chưa trả. Các bên không tự giải quyết được tranh chấp nên ông T khởi kiện ra Tòa án. Quan hệ tranh chấp giữa ông T với

Công ty cổ phần LMTDVN là quan hệ dân sự giữa cá nhân không có giấy phép đăng ký kinh doanh với pháp nhân có giấy phép đăng ký kinh doanh về bán hàng đa cấp. Do vậy, cần xác định đây là "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự (cụ thể là tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng)".* Bị đơn Công ty cổ phần LMTDVN có địa chỉ trụ sở tại Lô 24, khu dân cư sỹ quan, Quân đoàn 2, đường Hoàng Văn Thụ kéo dài, phường DK, thành phố BG, tỉnh BG nên Tòa án nhân dân thành phố BG thụ lý giải quyết yêu cầu của ông T là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông T về việc buộc Công ty cổ phần LMTDVN phải trả ông 83.088.000 đồng (giá trị 8 gói hàng đã mua), Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Ngày 10/03/2015, ông T ký Hợp đồng hợp tác bán hàng số 0087693/HĐ-LMTD với Công ty cổ phần LMTDVN là trong thời gian Công ty được phép hoạt động bán hàng đa cấp. Theo ông T trình bầy ông đã mua của công ty 17 gói hàng (chủ yếu là sản phẩm Cao hồng sâm và Angel), giá mỗi gói sản phẩm Cao hồng sâm là 9.888.000 đồng và mỗi gói Angel là 11.880.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông T đã nộp vào Công ty Cổ phần LMTDVN là 172.080.000 đồng. Ông T đã lấy và sử dụng 9 gói sản phẩm và nộp lại cho Công ty 09 phiếu đặt hàng. Hiện Công ty chưa trả cho ông T 8 gói sản phẩm bao gồm 6 phiếu đặt hàng Cao hồng sâm và 02 phiếu đặt hàng Angel. Ông T yêu cầu Công ty cổ phần LMTDVN phải trả ông 83.088.000 đồng tương đương giá trị của 8 gói hàng đã nộp tiền mua nhưng chưa được Công ty trả hàng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và điểm c khoản 2 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BCT ngày 30/07/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp. Tuy nhiên, theo tài liệu ông T cung cấp thể hiện 6 phiếu đặt hàng Cao hồng sâm, mỗi phiếu có giá trị là 8.450.000 đồng chứ không phải là 9.888.000 theo như đơn khởi kiện và bản tự khai ông T trình bầy. Ngoài các tài liệu trên, ông T không cung cấp thêm được tài liệu nào khác thể hiện mỗi gói sản phẩm Cao hồng sâm ông mua của Công ty Cổ phần LMTDVN với giá 9.888.000 đồng nên không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T mà chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể, buộc Công ty Cổ phần LMTDVN phải trả ông T số tiền theo 2 phiếu đặt hàng sản phẩm Angel là 2 x11.880.000 đồng/01 phiếu là 23.760.000 đồng; 6 phiếu đặt hàng sản phẩm Cao hồng sâm là 6x 8.450.000 đồng/01 phiếu là 50.700.000 đồng. Tổng cộng 8 phiếu đặt hàng là 74.460.000

đồng. Số tiền ông T không được chấp nhận là 83.088.000 đồng – 74.460.000 đồng = 8.628.000 đồng.

[3.2] Do ông T chỉ yêu cầu Công ty thanh toán trả ông số tiền gốc ông đã mua sản phẩm Cao hồng sâm và Angel mà không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét về lãi trong vụ án này.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của ông T được chấp nhận một phần nên Công ty cổ phần LMTDVN phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đối với yêu cầu của ông T không được chấp nhận là 8.628.000 đồng ông T phải chịu án phí. Tuy nhiên do ông là người cao tuổi nên được miễn án phí DSST theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 274, Điều 275, Điều 280 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 16 của Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 12; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T. Buộc Công ty cổ phần LMTDVN phải trả ông Phạm Văn T số tiền 74.460.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn T về việc yêu cầu Công ty Cổ phần LMTDVN phải trả ông số tiền 8.628.000 đồng.

3. Về án phí: Công ty cổ phần LMTDVN phải chịu 3.723.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Văn T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có Q chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Về Q kháng cáo: Các đương sự có Q làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thoả Tận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh BG;
- VKS TP BG,
- CCTHA dân sự TP BG,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Lương Thị Thanh Quyên